|  |  |
| --- | --- |
| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Số: /QĐ-TTg (Dự thảo)  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Hà Nội, ngày tháng năm 2024 |

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống du lịch

thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị Quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số....../TTr-BVHTTDL ngày.....tháng....năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3; - Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,  TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;- Lưu: VT, KGVX (03). | **KT. THỦ TƯỚNG****PHÓ THỦ TƯỚNG****[da****ky]** |

|  |  |
| --- | --- |
| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030,

 tầm nhìn đến năm 2045

(*Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2024*

*của Thủ tướng Chính phủ)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU**

**1. Mục tiêu**

-Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của quy hoạch đã đề ra.

- Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch.

- Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

**2. Yêu cầu**

- Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt, đảm bảo tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

- Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển du lịch.

- Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình phát triển các ngành dịch vụ khác theo hướng giá trị và hiệu quả cao.

- Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các địa phương, doanh nghiệp trong triển khai thực hiện quy hoạch du lịch; đẩy mạnh thu hút đầu tư cho du lịch, đặc biệt là đầu tư hạ tầng giao thông, cảng biển, sân bay, bến tàu... phục vụ du lịch.

**II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH**

**1. Các nhóm nhiệm vụ trọng tâm và lộ trình thực hiện**

a. Đẩy mạnh cơ cấu lại thị trường nội địa và quốc tế, phát triển sản phẩm du lịchtheo hướng đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với những xu hướng mới của thị trường

- Phát triển thị trường nội địa theo hướng phục hồi và giữ vững đà tăng trưởng của thị trường khách nội địa.Đẩy mạnh khai thác các phân đoạn thị trường chi trả cao, lưu trú dài ngày, các thị trường mới về du lịch gôn, du lịch thể thao, du lịch mạo hiểm.

- Phục hồi các thị trường quốc tế truyền thống, kết hợp thu hút các thị trường mới nổi: Ấn Độ, các nước Trung Đông.Duy trì và mở rộng quy mô các thị trường truyền thống: các nước Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Châu Âu, Bắc Mỹ, Nga và Đông Âu, Châu Đại dương; đa dạng hóa các thị trường, chuyển dịch theo hướng tăng thị phần khách có khả năng chi trả cao.

**-** Phát triển các dòng sản phẩm chính: Khai thác tối ưu tài nguyên du lịch biển, đảo; Phát huy giá trị văn hóa vùng, miền làm nền tảng xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với di sản, lễ hội, tham quan và tìm hiểu lối sống, ẩm thực; kết nối các di sản Việt Nam với các nước trong khu vực và thế giới; gắn kết hiệu quả du lịch với công nghiệp văn hóa; Phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái dựa trên lợi thế về tài nguyên tự nhiên, coi trọng phát triển du lịch sinh thái rừng ngập mặn, sinh thái miệt vườn, sinh thái hang động, sông, hồ.

- Phát triển các sản phẩm du lịch gắn với các đô thị trung tâm: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ; các đô thị đặc thù, như: Đô thị di sản Hội An (Quảng Nam), Huế (Thừa Thiên Huế); các đô thị trọng điểm phát triển du lịch, như: Sa Pa (Lào Cai), Hạ Long (Quảng Ninh), Nha Trang (Khánh Hòa), Đà Lạt (Lâm Đồng), Phan Thiết (Bình Thuận), Phú Quốc (Kiên Giang); chú trọng gắn kết du lịch với công nghiệp văn hóa và phát triển kinh tế ban đêm.

- Phát triển các loại hình du lịch mới: du lịch kết hợp chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe và thẩm mỹ; du lịch nông nghiệp, nông thôn; du lịch thể thao, thể thao mạo hiểm; du lịch hội nghị, hội thảo, sự kiện (MICE); du lịch giáo dục; du lịch du thuyền; du lịch công nghiệp;

- Phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, nổi trội theo vùng; hình thành sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng và tạo dựng thương hiệu du lịch vùng trên cơ sở tăng cường liên kết vùng.

b. Tổ chức không gian du lịch gồm: 06 vùng, 03 cực tăng trưởng, 08 khu vực động lực, 05 hành lang du lịch chính, 11 trung tâm du lịch; hình thành hệ thống các Khu du lịch quốc gia và địa điểm tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia

- Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc:

+ Phát triển các sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác thế mạnh từ cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái, bản sắc văn hóa độc đáo, đa dạng của các cộng đồng các dân tộc. Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch mang đặc trưng riêng của vùng: du lịch về nguồn; du lịch tìm hiểu văn hóa - lịch sử, du lịch trải nghiệm cuộc sống cộng đồng dân tộc thiểu số; du lịch khám phá thiên nhiên, thể thao mạo hiểm; du lịch nghỉ dưỡng và sinh thái núi, sinh thái hồ;

+ Tăng cường liên kết khai thác tài nguyên du lịch và tận dụng lợi thế về kết cấu hạ tầng theo các cụm: Sơn La - Yên Bái; Lai Châu - Lào Cai - Hà Giang; Lào Cai - Phú Thọ - Yên Bái; Cao Bằng - Lạng Sơn; Thái Nguyên - Tuyên Quang. Liên kết với vùng đồng bằng sông Hồng, với Trung Quốc và CHDCND Lào theo hành lang du lịch Đông - Tây phía Bắc (hình thành trên cơ sở hành lang kinh tế Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội).

- Vùng Đồng bằng sông Hồng:

+ Phát triển các sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác thế mạnh từ hệ thống di sản thế giới, các giá trị văn hóa truyền thống, cảnh quan thiên nhiên biển, đảo, hệ sinh thái đa dạng, các đô thị. Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch mang đặc trưng riêng của vùng: tham quan và trải nghiệm di sản thế giới Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), Quần thể danh thắng Tràng An (Ninh Bình), Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội); du lịch tìm hiểu văn hóa, tín ngưỡng dân gian; du lịch làng nghề, lễ hội; du lịch đô thị gắn với công nghiệp văn hóa và kinh tế ban đêm;

+ Tăng cường liên kết khai thác tài nguyên du lịch và tận dụng lợi thế về kết cấu hạ tầng theo các cụm: Quảng Ninh - Hải Phòng; Thái Bình - Nam Định. Liên kết với vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, với Trung Quốc theo hành lang du lịch Bắc - Nam phía Đông, vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình); với vùng Trung du và Miền núi phía Bắc theo hành lang du lịch Đông - Tây phía Bắc (hình thành trên cơ sở hành lang kinh tế Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội).

- Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung:

+ Phát triển các sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác thế mạnh từ tài nguyên du lịch biển đảo, cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái đa dạng, hệ thống di sản thế giới, các di tích văn hóa lịch sử. Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch mang đặc trưng riêng của vùng: du lịch “Con đường di sản miền Trung”; du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo; du lịch tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử và cách mạng; du lịch sinh thái hang động; du lịch tìm hiểu văn hóa dân tộc;

+ Tăng cường liên kết khai thác tài nguyên du lịch và tận dụng lợi thế về kết cấu hạ tầng theo các cụm: Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh; Quảng Bình - Quảng Trị; Thừa thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam; Quảng Ngãi - Phú Yên - Bình Định; Khánh Hòa - Ninh Thuận - Bình Thuận. Liên kết với vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ theo hành lang du lịch Bắc - Nam phía Đông; với vùng Tây Nguyên theo hành lang du lịch Đông - Tây (miền Trung).

- Vùng Tây Nguyên:

+ Phát triển các sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác thế mạnh từ cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái đa dạng và bản sắc văn hóa đặc trưng. Ưu tiên phát triển các sản phẩm mang đặc trưng riêng của vùng: du lịch khám phá, trải nghiệm thiên nhiên vùng đất cao nguyên, không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên; du lịch “Con đường xanh Tây Nguyên”; du lịch nghỉ dưỡng núi, du lịch sinh thái;

+ Tăng cường liên kết khai thác tài nguyên du lịch và tận dụng lợi thế về kết cấu hạ tầng theo các cụm: Gia Lai - Kon Tum; Lâm Đồng; Đắk Lắk - Đắk Nông. Liên kết với vùng Đông Nam Bộ theo hành lang du lịch Bắc - Nam phía Tây; với vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, với CHDCND Lào theo hành lang du lịch Đông - Tây (miền Trung).

- Vùng Đông Nam Bộ:

+ Phát triển các sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác thế mạnh từ hệ thống di tích lịch sử, văn hóa, di tích cách mạng, các đô thị, tài nguyên du lịch biển đảo. Ưu tiên phát triển các sản phẩm mang đặc trưng vùng: du lịch hội nghị, hội thảo, sự kiện (MICE), du lịch đô thị gắn với công nghiệp văn hóa và kinh tế ban đêm, du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo;

+ Tăng cường liên kết khai thác tài nguyên du lịch và tận dụng lợi thế về kết cấu hạ tầng theo các cụm: Đồng Nai - Bình Dương; Bình Phước - Tây Ninh; Bà Rịa - Vũng Tàu. Liên kết với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung theo hành lang du lịch Bắc - Nam phía Đông và phía Tây; với Campuchia theo hành lang du lịch Đông - Tây phía Nam.

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

+ Phát triển các sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác thế mạnh từ hệ sinh thái sông nước, cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên du lịch biển, đảo, di tích lịch sử văn hóa cùng các giá trị văn hóa truyền thống đa dạng. Ưu tiên phát triển các sản phẩm mang đặc trưng riêng của vùng: du lịch sông nước miệt vườn; tìm hiểu di sản văn hóa; du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo, vui chơi giải trí;

+ Tăng cường liên kết khai thác tài nguyên du lịch và tận dụng lợi thế về kết cấu hạ tầng theo các cụm: An Giang - Đồng Tháp - Long An; Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng; Kiên Giang - Cà Mau. Liên kết với vùng Đông Nam Bộ theo các hành lang du lịch Bắc - Nam phía Đông và phía Tây, với Campuchia, Thái Lan theo hành lang ven biển phía Nam (Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau).

- Hình thành 03 cực tăng trưởng du lịch chủ đạo gắn với các cực tăng trưởng quốc gia, gồm:

+ Thủ đô Hà Nội: Cực tăng trưởng quốc gia ở khu vực phía Bắc, đóng vai trò cửa ngõ và trung tâm phân phối khách cho các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng và cả vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

+ Thành phố Hồ Chí Minh: Cực tăng trưởng quốc gia ở khu vực phía Nam, đóng vai trò cửa ngõ thu hút khách quốc tế lớn nhất Việt Nam, lan tỏa và dẫn dắt du lịch toàn bộ Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Tây Nguyên và các tỉnh Duyên hải phía Nam của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

+ Thành phố Đà Nẵng: Cực tăng trưởng quốc gia ở khu vực miền Trung, đóng vai trò là cửa ngõ thu hút khách theo đường không, đường biển và đường bộ (hành lang kinh tế Đông - Tây) và là động lực thúc đẩy phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và cả vùng Tây Nguyên.

- Xây dựng và hình thành 08 khu vực động lực phát triển du lịch để tập trung nguồn lực, phát huy tối đa hiệu quả đầu tư, lan tỏa, thúc đẩy những lợi ích và giá trị của du lịch

+ Khu vực động lực phát triển du lịch Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh - Ninh Bình: Thúc đẩy phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng, rộng hơn là cả khu vực miền Bắc, gắn kết đa dạng và bổ trợ lẫn nhau về sản phẩm du lịch văn hoá lịch sử với du lịch biển, di sản thế giới;

+ Khu vực động lực phát triển du lịch Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh: Tạo sự hỗ trợ theo hướng kết hợp đa dạng sản phẩm du lịch gắn với sinh thái, di sản thế giới, văn hóa lịch sử, tín ngưỡng với du lịch biển, du lịch về nguồn, du lịch cộng đồng gắn với các dân tộc thiểu số vùng núi;

+ Khu vực động lực phát triển du lịch Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam: Thúc đẩy phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; kết nối các di sản thế giới trong nước với quốc tế, gắn kết các sản phẩm du lịch văn hóa với du lịch đô thị và nghỉ dưỡng biển;

+ Khu vực động lực phát triển du lịch Khánh Hòa - Lâm Đồng - Ninh Thuận - Bình Thuận: Thúc đẩy phát triển du lịch trên cơ sở tăng cường liên kết giữa vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung với vùng Tây Nguyên; đa dạng hoá sản phẩm trên cơ sở kết nối giữa du lịch nghỉ dưỡng núi với nghỉ dưỡng biển, văn hoá vùng đồng bằng với không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên;

+ Khu vực động lực phát triển du lịch Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu: Thúc đẩy phát triển du lịch toàn bộ vùng Đông Nam Bộ, gắn kết phát triển du lịch với hành lang kinh tế phía Nam;

+ Khu vực động lực phát triển du lịch Cần Thơ - Kiên Giang - Cà Mau: Thúc đẩy phát triển du lịch toàn bộ vùng Đồng bằng sông Cửu Long, gắn kết phát triển du lịch với hành lang kinh tế ven biển thuộc hành lang kinh tế phía Nam.

+ Khu vực động lực phát triển du lịch Lào Cai - Hà Giang: Thúc đẩy phát triển du lịch toàn bộ vùng Trung du và Miền núi phía Bắc kết nối với thị trường khách du lịch ở Vân Nam (Trung Quốc) và gắn kết phát triển du lịch theo hành lang kinh tế Côn Minh - Hà Nội - Hải Phòng;

+ Khu vực động lực phát triển du lịch Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên: Thúc đẩy phát triển du lịch cho khu vực tiểu vùng Tây Bắc thuộc vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, gắn kết phát triển du lịch theo hành lang kinh tế Đông Tây theo quốc lộ 6.

- Phát triển 05 hành lang du lịch kết nối các khu vực động lực phát triển du lịch, các trung tâm du lịch, các Khu du lịch quốc gia; tăng cường liên kết với các quốc gia trong khu vực, gồm:

+ Hành lang du lịch Bắc - Nam phía Đông: Hình thành trên cơ sở hành lang kinh tế Bắc - Nam, gồm trục giao thông Bắc - Nam phía Đông và hệ thống đường ven biển;

 + Hành lang du lịch Bắc - Nam phía Tây: Hình thành trên cơ sở đường Hồ Chí Minh và cao tốc Bắc - Nam phía Tây;

 + Hành lang du lịch Đông - Tây phía Bắc: Hình thành trên cơ sở hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, kết nối với Trung Quốc (Vân Nam) qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai;

 + Hành lang du lịch Đông - Tây (miền Trung): Hình thành trên cơ sở hành lang kinh tế Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng, kết nối với CHDCND Lào và các nước Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS) qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và hành lang kinh tế Nam Giang (Quảng Nam) - Đà Nẵng, kết nối với CHDCND Lào qua cửa khẩu quốc tế Nam Giang;

 + Hành lang du lịch Đông - Tây phía Nam: Hình thành trên cơ sở hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu, kết nối với Campuchia và các nước Tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) qua cửa khẩu quốc tế Mộc Bài;

- Phát triển 11 trung tâm du lịch gắn với các đô thị có tiềm năng và lợi thế nổi trội, gồm: Hạ Long (Quảng Ninh), Ninh Bình (Ninh Bình), Huế (Thừa Thiên - Huế), Đà Nẵng, Hội An (Quảng Nam), Quy Nhơn (Bình Định), Nha Trang (Khánh Hòa), Đà Lạt (Lâm Đồng), Vũng Tàu (Bà Rịa - Vũng Tàu), Cần Thơ, Phú Quốc (Kiên Giang) để ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch, dịch vụ gắn với các định hướng phát triển kinh tế ban đêm (theo Đề án Phát triển Kinh tế ban đêm ở Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ).

- Phát triển hệ thống các Khu du lịch quốc gia

+ Ưu tiên đầu tư đồng bộ và nâng cao chất lượng các Khu du lịch quốc gia đã được cấp có thẩm quyền công nhận.

+ Quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư cơ sở vật chất để thúc đẩy các địa điểm tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia.

**2. Triển khai các dự án ưu tiên để đầu tư phát triển du lịch**

a. Dự kiến triển khai các dự án quan trọng sử dụng vốn đầu tư công

- Việc triển khai các dự án phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Phù hợp với các định hướng phát triển của đất nước, quan điểm, mục tiêu, định hướng trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam **đến năm 2030** và Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững thời gian tới.

+ Là các dự án quan trọng đã được xác định trong quy hoạch vùng; các dự án phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành, lĩnh vực.

+ Trên cơ sở định hướng tổ chức không gian lãnh thổ du lịch, định hướng phát triển thị trường, sản phẩm du lịch, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy phát triển du lịch cả nước, theo vùng để ưu tiên đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Dự kiến các dự án quan trọng cần ưu tiên thực hiện:

+ Các dự án ưu tiên đầu tư của ngành du lịch được đề xuất trong quy hoạch được phân thành các nhóm dự án về: Chuyển đổi số; đầu tư phát triển hạ tầng; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; quảng bá, phát triển thương hiệu; bảo tồn phát huy giá trị tài nguyên, bảo vệ môi trường..., có ý nghĩa quan trọng, cấp thiết, tạo đột phá cho phát triển du lịch gắn với hình thành các khu vực động lực phát triển du lịch, các trung tâm du lịch, hệ thống các Khu du lịch quốc gia và các hành lang kết nối phát triển du lịch để thúc đẩy, lan tỏa phát triển du lịch, kinh tế - xã hội trên các vùng và cả nước.

+ Tập trung đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư cho các hạng mục kết cấu hạ tầng trong các khu, điểm du lịch; xúc tiến quảng bá, phát triển thương hiệu; phát triển nguồn nhân lực; bảo tồn và phát huy giá trị tài nguyên, bảo vệ môi trường du lịch và nghiên cứu ứng dụng công nghệ.

+ Hỗ trợ một phần trong nguồn vốn đầu tư thuộc lĩnh vực xúc tiến quảng bá và phát triển thương hiệu ở tầm quốc gia và cấp vùng; phát triển sản phẩm mới cũng; phát triển nguồn nhân lực…

b. Dự kiến triển khai các dự án quan trọng sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Việc triển khai các dự án phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Phù hợp với các định hướng phát triển của đất nước, quan điểm, mục tiêu, định hướng trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam **đến năm 2030** và Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững thời gian tới.

+ Phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển trong Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành, lĩnh vực.

- Loại hình dự án quan trọng dự kiến ưu tiên:

**+** Khu vực tư nhân là nguồn lực chính tập trung đầu tư cho phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển sản phẩm, xúc tiến quảng bá, phát triển thương hiệu và các công trình hạ tầng chức năng thuộc các khu, điểm du lịch.

+ Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch, tập trung vào các hạng mục: hệ thống hạ tầng kết nối các khu, điểm du lịch; hệ thống hạ tầng trong các khu, điểm du lịch; hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.

+ Đầu tư phát triển sản phẩm du lịch và xây dựng thương hiệu du lịch quốc gia, tập trung vào các hạng mục: đầu tư phát triển hệ thống thương hiệu du lịch Việt Nam; hệ thống sản phẩm du lịch đồng bộ, đa dạng; ưu tiên các sản phẩm du lịch mới, độc đáo, đặc sắc theo vùng, miền và dựa trên bản sắc văn hóa Việt Nam và thế mạnh về sinh thái, văn hóa các vùng miền; phát triển các cơ sở dịch vụ du lịch gắn với các loại hình du lịch tạo sự đồng bộ, hiện đại, tiện nghi trong các khu du lịch, điểm du lịch.

+ Đầu tư phát triển nguồn nhân lực du lịch, tập trung vào các hạng mục: nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch; đầu tư cho cơ sở đào tạo du lịch, xây dựng các chuẩn kỹ năng và đào tạo theo chuẩn trình độ, nâng cao chất lượng giáo viên, đầu tư cho đào tạo nhân lực bậc cao, nhân lực quản lý; Ưu tiên đầu tư phát triển nhân lực du lịch vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

+ Đầu tư cho công tác xúc tiến quảng bá, tập trung vào các hạng mục: tổ chức các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tại nước ngoài; tổ chức các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch liên vùng, liên địa phương ở; tuyên truyền, quảng bá du lịch trên các phương tiện truyền thông; phát triển marketing điện tử; Xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển các ứng dụng quảng bá du lịch; sản xuất ấn phẩm, vật phẩm phục vụ xúc tiến, quảng bá du lịch.

+ Đầu tư phát triển tài nguyên và bảo vệ môi trường du lịch, tập trung vào các hạng mục: tôn tạo tài nguyên du lịch; bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích, di sản văn hóa; khôi phục nghề thủ công truyền thống; bảo vệ môi trường du lịch; lồng ghép các chương trình dự án đầu tư bảo vệ, tôn tạo di tích, môi trường…

**3. Kế hoạch sử dụng đất**

Căn cứ vào Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; các địa phương có trách nhiệm xây dựng phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai để triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

**4. Xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch**

Tổng nhu cầu đầu tư (dự kiến): Khoảng 3.600 nghìn tỷ đồng, tương đương 160 tỷ USD, theo tỷ giá hiện hành; trong đó: nguồn vốn từ ngân sách nhà nước chiếm 3% - 5% (bao gồm cả vốn ODA); nguồn vốn huy động từ khu vực tư nhân chiếm 95% - 97% (bao gồm cả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài).

Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Nguồn vốn | Giai đoạn |
| ***2021 - 2025*** | ***2026 - 2030*** |
| 1 | Vốn từ ngân sách (Trung ương và địa phương) đầu tư cho cơ sở hạ tầng du lịch, đào tạo, quảng bá, bảo vệ môi trường, nghiên cứu tiển khai… ( ≤ 3%)  | 5,54 | 59,58 |
| 2 | Vốn tích lũy của các doanh nghiệp du lịch để tái đầu tư (20%) | 328,44 | 397,22 |
| 3 | Vốn vay ngân hàng và các nguồn khác (15%) | 246,33 | 297,92 |
| 4 | Vốn tư nhân (25%) | 404,97 | 436,94 |
| 5 | Vốn liên doanh trong nước (30%) | 492,66 | 595,83 |
| 6 | Vốn FDI hoặc liên doanh với nước ngoài (10%) | 164,22 | 198,61 |
|  | **Tổng cộng (100%)** | **1.642,21** | **1.986,10** |

*Ghi chú:*Nhu cầu đầu tư trên đây không bao gồm đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng ngoài xã hội (tức hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước… đến các khu, điểm du lịch; các công trình phúc lợi xã hội như công viên, bảo tàng, nhà hát, các cơ sở thể thao…nằm ngoài ranh giới các khu du lịch)

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Công bố Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư, đối tác phát triển trong nước và quốc tế nhằm huy động nguồn lực thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ hàng năm, 05 năm và đột xuất về kết quả thực hiện Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch, cơ chế điều phối, liên kết để phát triển du lịch trình cấp có thẩm quyền ban hành.

**2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan liên quan**

- Tổ chức lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo chức năng quản lý, đảm bảo cụ thể hóa, thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch cấp quốc gia và Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được phê duyệt.

- Chỉ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương triển khai các chương trình, dự án đã được xác định tại Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo chức năng quản lý.

- Ưu tiên nguồn lực và tập trung triển khai các chương trình, dự án liên quan đến phát triển du lịch gắn với bảo tồn sinh thái, đa dạng sinh học và bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Đánh giá thực hiện các quy hoạch thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá thực hiện quy hoạch hệ thống du lịch hàng năm, 05 năm theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

**3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân hiểu đúng và đầy đủ về nội dung Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và Kế hoạch đầu tư công hàng năm của địa phương gắn với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai cho các chương trình, dự án; chủ trì thực hiện việc giải phóng mặt bằng để thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn theo chức năng quản lý.

**4.** Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương gửi báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Phụ lục 01

PHÂN KỲ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Dự án đầu tư | Phân kỳ đầu tư | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn  | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
| **2021-2030** | **2030-2045** | **(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)** | **(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)**  |  |  |
| **I** | **Nhóm dự án chuyển đổi số trong ngành du lịch** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Xây dựng phần mềm/ứng dụng dành cho khách du lịch | x |  | x |  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các bộ, ngành, địa phương liên quan |
| 2 | Xây dựng phần mềm/ứng dụng dành cho cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch | x |  | x |  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các bộ, ngành, địa phương liên quan |
| 3 | Xây dựng phần mềm/ứng dụng cho hướng dẫn viên du lịch | x |  | x |  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các bộ, ngành, địa phương liên quan |
| 4 | Xây dựng phần mềm/ứng dụng dành cho cơ quan quản lý | x |  | x |  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Công An; Bộ Quốc phòng; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| 5 | Dự án phát triển hạ tầng công nghệ thông tin | x |  | x |  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| 6 | Dự án bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ số, nâng cao năng lực lao động nghề và nhân lực quản lý nhà nước về du lịch | x |  | **x** | **x** | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| **II** | **Nhóm dự án phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về du lịch** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Điều tra, đánh giá, phân loại và số hoá tài nguyên du lịch Việt Nam | x |  | x |  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| 2 | Xây dựng hệ thống thông tin số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch | x |  | x | x | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| 3 | Xây dựng hệ thống thông tin số về thị trường du lịch Việt Nam |  | x | x | x | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| 4 | Nâng cao chất lượng và hoàn thiện hệ thống thống kê du lịch ở trung ương và địa phương | x |  | x |  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| **III** | **Nhóm dự án đầu tư phát triển hạ tầng các cực tăng trưởng chủ đạo gắn với các cực tăng trưởng quốc gia** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Thành phố Hà Nội |  | x | x | x | UBND thành phố Hà Nội | Bộ Kế hoạch, Đầu tư; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 2 | Thành phố Hồ Chí Minh |  | x | x | x | UBND thành phố Hồ Chí Minh | Bộ Kế hoạch, Đầu tư; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 3 | Thành phố Đà Nẵng |  | x | x | x | UBND thành phố Đà Nẵng | Bộ Kế hoạch, Đầu tư; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| **IV** | **Nhóm dự án đầu tư phát triển hạ tầng các trung tâm du lịch gắn với các đô thị có tiềm năng và lợi thế** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Thành phố Hạ Long | x |  | x | x | UBND tỉnh Quảng Ninh | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 2 | Thành phố Ninh Bình |  | x | x | x | UBND tỉnh Ninh Bình | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 3 | Thành phố Huế |  | x | x | x | UBND tỉnh Thừa Thiên Huế | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 4 | Thành phố Đà Nẵng | x |  | x | x | UBND thành phố Đà Nẵng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 5 | Thành phố Hội An | x |  | x | x | UBND tỉnh Quảng Nam | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 6 | Thành phố Quy Nhơn | x |  | x | x | UBND tỉnh Bình Định | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 7 | Thành phố Nha Trang | x |  | x | x | UBND tỉnh Khánh Hòa | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 8 | Thành phố Đà Lạt | x |  | x | x | UBND tỉnh Lâm Đồng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 9 | Thành phố Vũng Tàu | x |  | x | x | UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 10 | Thành phố Cần Thơ |  | x | x | x | UBND thành phố Cẩn Tho | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 11 | Thành phố Phú Quốc | x | x | x | x | UBND tỉnh Kiên Giang | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| **V** | **Nhóm dự án đầu tư phát triển hạ tầng các Khu du lịch quốc gia đã được công nhận** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Khu du lịch quốc gia Sa Pa, tỉnh Lào Cai  | x |  | x | x | UBND tinh Lào Cai | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 2 | Khu du lịch quốc gia Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ | x |  | x | x | UBND tinh Phú Thọ | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 3 | Khu du lịch quốc gia Trà Cổ, tỉnh Quảng Ninh  | x |  | x | x | UBND tinh Quảng Ninh | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 4 | Khu du lịch quốc gia Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc  | x |  | x | x | UBND tinh Vĩnh Phúc | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 5 | Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận | x |  | x | x | UBND tinh Bình Thuận | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 6 | Khu du lịch quốc gia hồ Tuyền Lâm, tỉnh Lâm Đồng  | x |  | x | x | UBND tinh Lâm Đồng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 7 | Khu du lịch quốc gia Núi Sam, tỉnh An Giang  | x |  | x | x | UBND tinh An Giang | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 8 | Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La | x |  | x | x | UBND tinh Sơn La | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 9 | Khu du lịch quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | x |  | x | x | UBND tinh Bà Rịa - Vũng Tàu | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| **VI** | **Nhóm dự án đầu tư phát triển hạ tầng địa điểm tiềm năng trở thành Khu du lịch quốc gia (bao gồm lập Quy hoạch chung xây dựng)** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Vùng Trung du và Miền núi Bắc bộ |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang) | x |  | x | x | UBND tỉnh Hà Giang | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.2 | Ô Quy Hồ (Lai Châu) |  | x | x | x | UBND tỉnh Lai Châu | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.3 | Điện Biên Phủ - Pá Khoang (Điện Biên) | x |  | x | x | UBND tỉnh Điện Biên | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.4 | Hồ Sơn La (Sơn La) | x |  | x | x | UBND tỉnh Sơn La | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.5 | Cao nguyên Sìn Hồ (Lai Châu) |  | x | x | x | UBND tỉnh Lai Châu | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.6 | Thác Bà (Yên Bái) |  | x | x | x | UBND tỉnh Yên Bái | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.7 | Mù Cang Chải (Yên Bái) |  | x | x | x | UBND tỉnh Yên Bái | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.8 | Vườn quốc gia Xuân Sơn (Phú Thọ) | x |  | x | x | UBND tỉnh Phú Thọ | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.9 | Hồ Hòa Bình (Hòa Bình) | x |  | x | x | UBND tỉnh Hòa Bình | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.10 | Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng (Cao Bằng) |  | x | x | x | UBND tỉnh Cao Bằng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.11 | Ba Bể (Bắc Kạn) |  | x | x | x | UBND tỉnh Bắc Kạn | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.12 | Tân Trào (Tuyên Quang) |  | x | x | x | UBND tỉnh Tuyên Quang | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.13 | Na Hang- Lâm Bình (Tuyên Quang) |  | x | x | x | UBND tỉnh Tuyên Quang | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.14 | Mẫu Sơn (Lạng Sơn) |  | x | x | x | UBND tỉnh Lạng Sơn | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 1.15 | Núi Cốc (Thái Nguyên) |  | x | x | x | UBND tỉnh Thái Nguyên | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 2 | Vùng Đồng bằng sông Hồng |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Ba Vì (Hà Nội) | x |  | x | x | UBND thành phố Hà Nội | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 2.2 | Khu di tích thắng cảnh Hương Sơn (Hà Nội) | x |  | x | x | UBND thành phố Hà Nội | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 2.3 | Khu vực Hồ Hoàn Kiếm - phụ cận và khu phố cổ Hà Nội (Hà Nội) | x |  | x | x | UBND thành phố Hà Nội | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 2.4 | Cát Bà (Hải Phòng) | x |  | x | x | UBND thành phố Hải Phòng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 2.5 | Vân Đồn - Cô Tô (Quảng Ninh) | x |  | x | x | UBND tỉnh Quảng Ninh | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 2.6 | Yên Tử - Uông Bí (Quảng Ninh)  | x |  | x | x | UBND tỉnh Quảng Ninh | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 2.7 | Hồ Đại Lải (Vĩnh Phúc) | x |  | x | x | UBND tỉnh Vĩnh Phúc | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 2.8 | Côn Sơn- Kiếp Bạc (Hải Dương) | x |  | x | x | UBND tỉnh Hải Dương | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 2.9 | Tràng An (Ninh Bình) | x | x | x | x | UBND tỉnh Ninh Bình | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 2.10 | Kênh Gà - Vân Trình (Ninh Bình) | x |  | x | x | UBND tỉnh Ninh Bình | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 2.11 | Tam Chúc (Hà Nam) | x |  | x | x | UBND tỉnh Hà Nam | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3 | Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Sầm Sơn - Hải Tiến (Thanh Hóa) | X |  | x | x | UBND tỉnh Thanh Hóa | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.2 | Kim Liên (Nghệ An) | x |  | x | x | UBND tỉnh Nghệ An | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.3 | Vinh - Diễn Châu (Nghệ An) |  | x | x | x | UBND tỉnh Nghệ An | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.4 | Thiên Cầm (Hà Tĩnh) | x |  | x | x | UBND tỉnh Hà Tĩnh | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.5 | Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình) |  | x | x | x | UBND tỉnh Quảng Bình | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.6 | Cửa Việt - Cửa Tùng - Cồn Cỏ (Quảng Trị) |  | x | x | x | UBND tỉnh Quảng Trị | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.7 | Lăng Cô - Cảnh Dương (Thừa Thiên Huế) |  | x | x | x | UBND tỉnh Thừa Thiên Huế | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.8 | Sơn Trà (Đà Nẵng) |  | x | x | x | UBND thành phố Đà Nẵng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.9 | Bà Nà (Đà Nẵng) | x |  | x | x | UBND thành phố Đà Nẵng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.10 | Cù Lao Chàm (Quảng Nam) | x |  | x | x | UBND tỉnh Quảng Nam | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.11 | Lý Sơn (Quảng Ngãi) |  | x | x | x | UBND tỉnh Quảng Ngãi | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.12 | Mỹ Khê (Quảng Ngãi) |  | x | x | x | UBND tỉnh tỉnh Quảng Ngãi | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.13 | Phương Mai (Bình Định) |  | x | x | x | UBND tỉnh Bình Định | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.14 | Vịnh Xuân Đài (Phú Yên) |  | x | x | x | UBND tỉnh Phú Yên | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.15 | Vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa) |  | x | x | x | UBND tỉnh Khánh Hòa | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.16 | Vịnh Vân Phong (Khánh Hòa) |  | x | x | x | UBND tỉnh Khánh Hòa | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 3.17 | Ninh Chữ (Ninh Thuận) | x |  | x | x | UBND tỉnh Ninh Thuận | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 4 | Vùng Tây Nguyên |  |  |  |  |  |  |
| 4.1 | Măng Đen (Kon Tum) | x |  | x | x | UBND tỉnh Kon Tum | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 4.2 | Biển Hồ - Chư Đăng Ya (Gia Lai) |  | x | x | x | UBND tỉnh Gia Lai | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 4.3 | Yok Đôn (Đắk Lắk) |  | x | x | X | UBND tỉnh Đắk Lắk | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 4.4 | Hồ Tà Đùng, thuộc Công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông (Đắk Nông) |  | x | x | X | UBND tỉnh Đắk Nông | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 4.5 | Đan Kia - Suối Vàng (Lâm Đồng) |  | x | x | x | UBND tỉnh Lâm Đồng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 5 | Vùng Đông Nam Bộ |  |  |  |  |  |  |
| 5.1 | Cần Giờ (TP. Hồ Chí Minh) | X |  | x | x | UBND thành phố Hồ Chí Minh | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 5.2 | Long Hải - Bình Châu (Bà Rịa -Vũng Tàu) | x |  | x | x | UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 5.3 | Hồ Trị An (Đồng Nai) |  | x | x | x | UBND tỉnh Đồng Nai | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 5.4 | Núi Bà Đen (Tây Ninh) | x |  | x | x | UBND tỉnh Tây Ninh | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 5.5 | Bà Rá - Thác Mơ (Bình Phước) | x |  | x | x | UBND tỉnh Bình Phước | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 6 | Vùng Đồng bằng sông Cửu Long |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Ninh Kiều (Cần Thơ) | x |  | x | x | UBND thành phố Cần Thơ | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 6.2 | Thới Sơn (Tiền Giang) | x |  | x | x | UBND tỉnh Tiền Giang | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 6.3 | Mang Thít (Vĩnh Long) |  | x | x | x | UBND tỉnh Vĩnh Long | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 6.4 | Lung Ngọc Hoàng (Hậu Giang) |  | x | x | x | UBND tỉnh Hậu Giang | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 6.5 | Tràm Chim - Láng Sen (Đồng Tháp) |  | x | x | x | UBND tỉnh Đồng Tháp | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 6.7 | Hà Tiên (Kiên Giang) |  | x | x | x | UBND tỉnh Kiên Giang | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 6.8 | Nhà Mát - Bạc Liêu (Bạc Liêu) | x |  | x | x | UBND tỉnh Bạc Liêu | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| 6.9 | Mũi Cà Mau (Cà Mau) | x |  | x | x | UBND tỉnh Cà Mau | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng |
| **VII** | **Nhóm dự án về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch | x | x | x | x | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| 2 | Giáo dục cộng đồng | x | x | x | x | Bộ Giáo dục và Đào tạo | UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| **VIII** | **Nhóm dự án đầu tư xúc tiến, quảng bá, phát triển thương hiệu du lịch** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Quảng bá và xúc tiến du lịch Việt Nam ở nước ngoài | x | x | x | x | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Thông tin và Truyền thông; Đài Truyền hình Việt Nam; các cơ quan đại diện ngoại giao tại nước ngoài; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp |
| 2 | Quảng bá, xúc tiến du lịch trong nước | x | x | x | x | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Thông tin và Truyền thông; Đài Truyền hình Việt Nam; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan thông tấn báo chí |
| 3 | Phát triển marketing điện tử phục vụ xúc tiến quảng bá du lịch | x | x | x | x | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp |
| 4 | Sản xuất ấn phẩm, vật phẩm phục vụ xúc tiến du lịch | x | x | *x* | x | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch) | Các doanh nghiệp; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| **IX** | **Nhóm dự án bảo tồn phát huy giá trị tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường du lịch** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Dự án tu bổ, tôn tạo các công trình di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh tại các khu vực động lực phát triển du lịch | X |  | x |  | UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 2 | Dự án xây dựng xử lý chất thải, bảo vệ môi trường tại các khu du lịch quốc gia, khu vực động lực phát triển du lịch |  | x | x |  | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực động lực phát triển du lịch và có địa điểm tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia |
| 3 | Dự án xây dựng, tu bổ kè hoặc nạo vét lòng hồ để bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch tại các khu du lịch quốc gia, khu vực động lực phát triển du lịch |  | x | x |  | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực động lực phát triển du lịch và có địa điểm tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia |
| 4 | Dự án tôn tạo, xây dựng các công viên tại các trung tâm du lịch, các khu du lịch quốc gia, địa điểm tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia và tại các đô thị trong các khu vực động lực phát triển du lịch. |  | x | x | x | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực động lực phát triển du lịch và có địa điểm tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia |
| 5 | Dự án sửa chữa, xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các trung tâm du lịch, các khu du lịch quốc gia, địa điểm tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia và tại các đô thị trong các khu vực động lực phát triển du lịch | x | x | x | x | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; doanh nghiệp |
| 6 | Dự án ứng dụng khoa học công nghệ trong đảm bảo môi trường xã hội cho phát triển du lịch |  | x | x | X | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| 7 | Dự án ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý giám sát môi trường tự nhiên trong du lịch |  | x | x | x | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
| 8 | Dự án phát triển giao thông công cộng (xe buýt điện) tại các trung tâm du lịch, các khu du lịch quốc gia đã được công nhận |  | x |  | x | Bộ Giao thông vận tải | UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương; doanh nghiệp |
| 9 | Các dự án nghiên cứu xây dựng quy định, hướng dẫn, tiêu chí, tiêu chuẩn phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch | x | x | x |  |  |  |

**Phụ lục 02**

**CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Đến năm 2025** | **Đến năm 2030** | **Cơ quan chỉ trì** **theo dõi, đánh giá** |
| 1 | Khách du lịch |  |  |  |  |
|  | *- Khách quốc tế* | Triệu lượt | *25 - 28* | 35 | Bộ KHĐT(Tổng cục Thống kê) |
|  | *- Khách nội địa*  | Triệu lượt | *130* | 160 | Bộ VHTTDL(Cục DLQGVN) |
| 2 | Chi tiêu trung bình/ngày |  |  |  |  |
|  | *- Khách quốc tế* | *Nghìn đồng* | *3.200* | *4.000* | Bộ VHTTDL |
|  | *- Khách nội địa*  | *Nghìn đồng* | *1.600* | *2.500* | (Cục DLQGVN) |
| 3 | Tổng thu du lịch  | Nghìn tỷ đồng | 1.264 | 2.630 | Bộ VHTTDL(Cục DLQGVN) |
| 4 | Đóng góp của du lịch trong GDP | % | 8-9 | 13-14 | Bộ KHĐT(Tổng cục Thống kê) |
| 5 | Về việc làm | Triệu việc làm | 3,6  | 6,5  | Bộ Lao động TB&XH(Tổng cục Dạy nghề) |
| 6 | Buồng lưu trú | Triệu buồng | 1,3 | 2 | Bộ VHTTDL(Cục DLQGVN) |

**Phụ lục 03**

**XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

| **TT** | **Nhiệm vụ, Đề án** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** | **Thời gian trình** | **Cấp phê duyệt** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Du lịch 2017 để phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các Bộ, ngành liên quan | 2025 | Quốc hội | Bổ sung các tiêu chí công nhận các Khu du lịch quốc gia |
| 2 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư để phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển  | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ, ngành liên quan | 2025 | Quốc hội | Các dự án phát triển du lịch (khách sạn, resort,...) được hưởng các chính sách phù hợp với quy mô vốn đầu tư và quy mô diện tích. |
| 3 | Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù và quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ nhân lực ngành Du lịch | Bộ Nội Vụ | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | 2025 | Chính phủ |  |
| 4 | Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù về đất du lịch và các quy định về đất nông nghiệp để phục vụ phát triển du lịch  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2026 | Chính phủ |  |
| 5 | Nghiên cứu cơ chế, chính sách để thành lập Hội đồng kỹ năng ngành Du lịch-Khách sạn và Hội đồng chứng chỉ kỹ năng nghề du lịch quốc gia. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hiệp hội Du lịch Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan | 2025 | Chính phủ |  |
| 6 | Triển khai thực hiện chính sách, tạo điều kiện thuận lợi nhất về thủ tục cấp thị thực cho khách quốc tế, áp dụng chính sách thị thực điện tử với tất cả thị trường khách quốc tế; cải tiến mạnh mẽ quy trình kiểm soát thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, hải quan tại cửa khẩu đường không, đường bộ, đường biển, bảo đảm nhanh chóng và tiện lợi nhất cho khách quốc tế đến Việt Nam | Bộ Công An | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan | 2025 | Chính phủ |  |
| 7 | Nghiên cứu xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư, phát triển, sáng tạo sản phẩm, dịch vụ du lịch trên nền tảng công nghệ số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ xanh, công nghệ sạch trong các cơ sở dịch vụ và cơ sở lưu trú du lịch. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Bộ, ngành liên quan | 2026 | Chính phủ |  |
| 8 | Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các sản phẩm, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe phục vụ du lịch; hình thành hệ thống cơ sở y tế chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch. | Bộ Y tế | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Bộ, ngành liên quan | 2026 | Chính phủ |  |
| 9 | Nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý các loại hình lưu trú du lịch mới theo mô hình kinh tế chia sẻ và quy hoạch xây dựng tại các khu DLQG | Bộ Xây dựng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Bộ, ngành liên quan | 2025 | Chính phủ |  |
| 10 | Nghiên cứu xây dựng chính sách thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực du lịch, đầu tư nâng cao năng lực đào tạo về du lịch, đặc biệt là đào tạo nghề du lịch. | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 2026 | Chính phủ |  |
| 11 | Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2025 | Chính phủ |  |
| 12 | Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ thanh toán điện tử, thanh toán điện tử trên các thiết bị thông minh, thanh toán không dùng tiền mặt và cơ chế giám sát, kiểm soát hoạt động thanh toán xuyên biên giới trong lĩnh vực du lịch. | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Các Bộ, ngành liên quan | 2025 | Chính phủ |  |